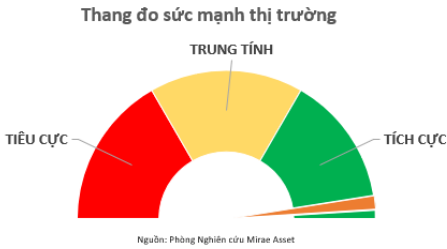


29 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



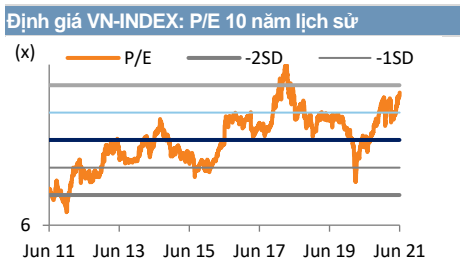
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-	1,410.04	0.30	6.78	70.02
HNX	323.79	0.21	4.29	193.50
UPCOM	90.30	0.57	4.87	62.68
MSCI EM	1,380.90	0.10	1.48	38.93
NIKKEI	28,812.61	-0.81	-1.16	31.00
HANG	28,994.10	-0.94	-0.45	19.31
KOSPI	3,286.68	-0.46	3.07	57.00
FTSE	7,078.70	0.08	0.80	13.70
S&P 500	4,290.61	0.23	2.06	40.53
NASDAQ	14,500.51	0.98	5.47	46.85

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-	19.21	2.84	14.97
S&P 500	29.76	1.70	5.96
JCI	31.22	1.84	5.76
PCOMP	29.74	1.71	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.09	-1	-5	-88
10 năm	2.21	-1	-8	-78

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,023	-0.03	0.11	0.73
US\$/KR	1,129	0.12	-1.61	6.19
US\$/JPY	111	0.04	-0.91	-2.72
US\$/EUR	0.84	0.19	2.73	-5.54
US\$/GBP	0.72	0.29	2.69	-11.14
US\$/SGD	1.34	-0.10	-1.70	3.64

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-	932	980	499
HNX	129	165	69
UPCOM	57	73	31



Nhận định thị trường

Nhóm cổ phiếu trụ giúp VN-index tiếp nối đà tăng

Sau phiên tăng mạnh hôm qua, VN-Index tiếp tục duy trì đà tăng khá trong ngày hôm nay. Thanh khoản suy giảm nhẹ nhưng lực mua vẫn thống thế và tập trung vào nhóm vốn hóa lớn đã kéo VN-Index tăng điểm và đóng cửa tại 1.410 điểm, tăng 4,2 điểm, tương ứng +0,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.324 tỷ đồng, HNX: 3.235 tỷ đồng, UPCOM: 1.699 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm nhẹ được hỗ trợ bởi nhóm cổ phiếu trụ, khi số lượng mã giảm giá (244) lớn hơn số mã tăng giá (153). Đáng chú ý nhất trong nhóm trụ có FPT, STB, VCB, VHM, VIC với mức tăng từ 1% - 3%, đóng góp lớn vào mức tăng của VN30 & VN-Index. Nhóm Dầu khí điều chỉnh mạnh trước thông tin giá dầu suy giảm. Nhóm Thủy Sản tăng khá ngày hôm nay, trong đó ANV dẫn đầu với +6,8%.

Khối ngoại giao dịch cân bằng ngày hôm nay, mua ròng nhẹ 36 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm khiến khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được duy trì ở mức tích cực. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +7, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

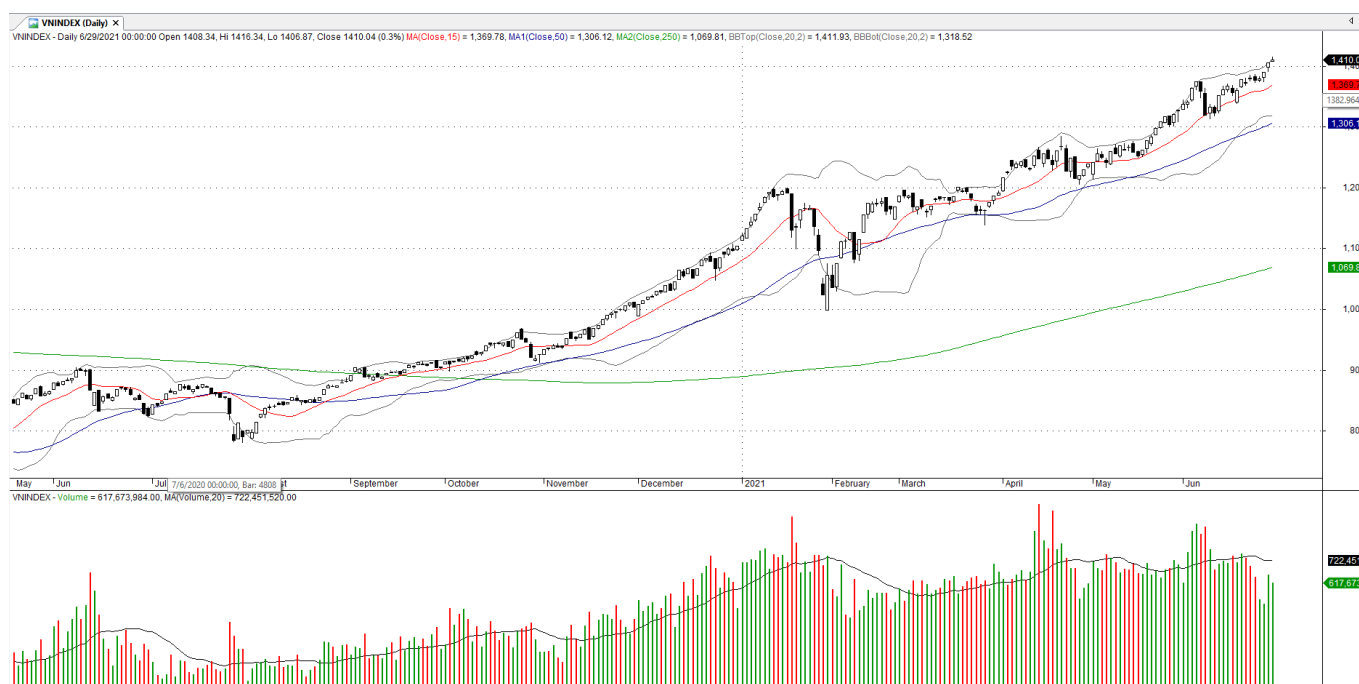
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (29/06/2021)	Kháng cự 1	1.440
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.500
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

Mức 1.400 được chinh phục, VN-Index có xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

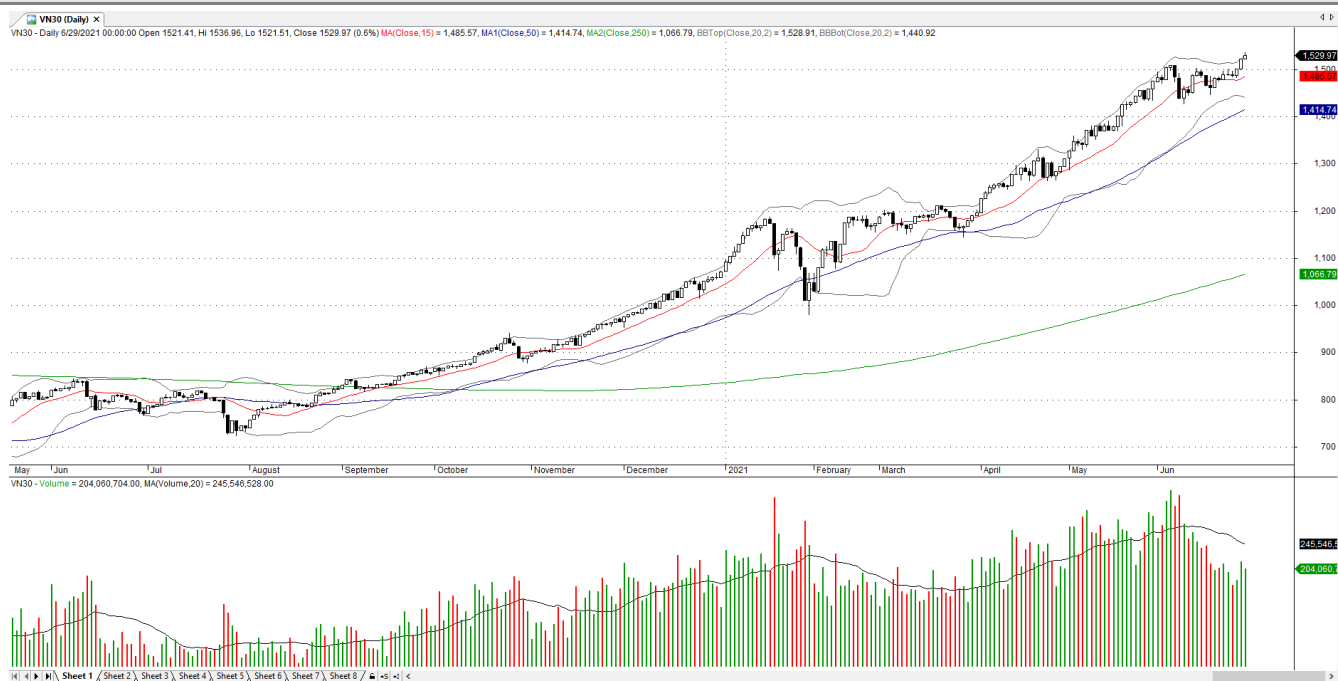
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (29/06/2021)	1.533	Kháng cự 1	1.560
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.600
VN30 – đóng cửa	1.529	Hỗ trợ 1	1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+3,9	Hỗ trợ 2	1.300

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	+5	KHẢ QUAN

Phiên tăng điểm tốt với các điểm số intraday tích cực, tuy nhiên spread trong ngày lại không cao, chỉ hơn 13 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	20.5	12,895,575	7	KHẢ QUAN	6,084	14.6	1.2
ACB	36.45	11,212,000	4	KHẢ QUAN	98,486	11.4	2.6
AGR	14.15	3,143,820	4	KHẢ QUAN	2,988	24.8	1.4
ANV	34.5	1,110,135	7	KHẢ QUAN	4,386	19.7	1.8
ART	10.2	6,124,240	-2	TRUNG TÍNH	989	37.8	0.9
BID	46.9	4,376,150	6	KHẢ QUAN	188,633	22.9	2.4
BSI	22.8	2,124,640	4	KHẢ QUAN	2,772	11.1	1.8
BSR	21.3	22,836,250	-2	TRUNG TÍNH	66,041	#N/A N/A	2.1
BVH	59.1	1,501,060	-2	TRUNG TÍNH	43,871	23.2	2.1
BVS	30.7	1,291,060	6	KHẢ QUAN	2,217	11.8	1.1
CEO	10.1	4,367,890	-7	TIÊU CỰC	2,599	#N/A N/A	0.9
CII	19.15	3,050,955	2	TRUNG TÍNH	4,575	344.2	1.0
CTG	53.9	16,372,325	6	KHẢ QUAN	200,692	11.3	2.2
CTR	70.6	654,505	-4	TIÊU CỰC	6,561	23.5	6.2
CTS	24	2,361,160	6	KHẢ QUAN	2,554	9.8	1.7
DBC	63.6	2,312,240	4	KHẢ QUAN	7,329	5.0	1.6
DCM	20.65	4,625,345	7	KHẢ QUAN	10,932	18.4	1.7
DDV	15	3,082,180	0	TRUNG TÍNH	2,192	76.9	1.7
DGC	82.4	1,152,640	4	KHẢ QUAN	14,097	15.0	3.4
DIG	26.1	6,243,950	-2	TRUNG TÍNH	10,698	14.0	2.3
DLG	3.59	11,461,070	2	TRUNG TÍNH	1,075	#N/A N/A	0.5
DPM	22.9	2,640,225	2	TRUNG TÍNH	8,962	11.9	1.1
DRC	30.45	2,471,130	4	KHẢ QUAN	3,617	12.8	2.1
DXG	24.05	13,104,850	-2	TRUNG TÍNH	12,465	#N/A N/A	1.9
FIT	16	10,184,905	0	TRUNG TÍNH	4,076	59.9	1.3
FLC	13.65	33,058,040	-4	TIÊU CỰC	9,691	7.1	1.0
FPT	88.6	2,663,790	7	KHẢ QUAN	80,402	21.6	4.8
GAS	93	1,237,375	0	TRUNG TÍNH	177,997	23.6	3.5
GEX	22.1	6,018,935	-4	TIÊU CỰC	17,264	13.2	1.9
GMD	43	2,770,030	2	TRUNG TÍNH	12,959	34.5	2.1
GVR	35.7	6,644,420	4	KHẢ QUAN	142,800	32.7	3.0
HAH	30.4	1,541,080	2	TRUNG TÍNH	1,441	8.7	1.3
HBC	15.65	5,858,995	2	TRUNG TÍNH	3,613	40.8	1.0
HCM	50.4	6,719,565	7	KHẢ QUAN	15,374	20.5	3.2
HDB	35.9	5,155,750	6	KHẢ QUAN	57,216	11.6	2.3
HDC	50.5	1,037,745	-2	TRUNG TÍNH	4,199	15.7	3.4
HDG	43.4	1,467,145	2	TRUNG TÍNH	6,696	6.1	2.0
HNG	10.9	15,625,760	2	TRUNG TÍNH	12,083	464.3	1.4
HPG	51.8	28,715,836	0	TRUNG TÍNH	231,697	12.8	3.5
HQC	3.9	17,287,720	-7	TIÊU CỰC	1,859	260.7	0.4
HSG	42	11,242,400	2	TRUNG TÍNH	20,541	8.5	2.5
HUT	8.1	6,329,300	-4	TIÊU CỰC	2,176	#N/A N/A	0.7
IDC	36.6	4,741,025	-4	TIÊU CỰC	10,980	35.0	3.0
IJC	34.95	8,274,650	7	KHẢ QUAN	7,588	11.4	2.3
ITA	7.55	13,862,190	-2	TRUNG TÍNH	7,084	34.1	0.7
KBC	39.8	9,586,045	6	KHẢ QUAN	18,696	24.3	1.8
KDC	61.6	1,535,410	1	TRUNG TÍNH	14,091	45.9	2.4
KDH	37.5	2,890,640	3	TRUNG TÍNH	23,366	19.3	2.8
KSB	29.45	1,839,540	0	TRUNG TÍNH	1,962	7.8	1.2
LCG	13.25	3,163,600	-4	TIÊU CỰC	1,527	4.3	0.8
LPB	30.5	13,728,285	1	TRUNG TÍNH	32,776	14.5	2.2
LTG	39.1	1,000,290	-4	TIÊU CỰC	3,151	10.1	1.1

MBB	43.45	24,778,076	7	KHẢ QUAN	121,606	12.0	2.4
MBS	31	2,756,745	2	TRUNG TÍNH	9,775	17.1	2.7
MSN	108.5	1,324,455	6	KHẢ QUAN	128,088	84.7	7.9
MWG	147	674,310	7	KHẢ QUAN	69,888	16.2	4.0
NKG	35.45	3,814,525	6	KHẢ QUAN	6,097	10.7	1.7
NLG	38.8	2,872,650	-2	TRUNG TÍNH	11,069	9.7	1.7
NVB	19.5	8,251,885	3	TRUNG TÍNH	7,933	731.0	1.9
NVL	121	2,502,240	5	KHẢ QUAN	178,306	39.2	5.6
OIL	15.4	3,888,425	2	TRUNG TÍNH	15,927	#N/A N/A	1.7
PAN	27.9	1,959,980	-2	TRUNG TÍNH	5,828	29.7	1.6
PDR	95.9	5,211,045	5	KHẢ QUAN	46,681	35.5	8.8
PET	21.8	2,771,145	-4	TIÊU CỰC	1,822	11.8	1.1
PHR	57.2	934,185	0	TRUNG TÍNH	7,751	8.1	2.4
PLX	56.2	4,251,025	4	KHẢ QUAN	69,902	19.3	3.0
POW	12.05	13,059,330	-4	TIÊU CỰC	28,220	11.6	1.0
PVD	22.15	11,953,410	-7	TIÊU CỰC	9,328	144.3	0.7
PVS	29.8	16,957,156	0	TRUNG TÍNH	14,243	21.7	1.2
PVT	21.1	6,505,925	-2	TRUNG TÍNH	6,829	9.3	1.4
REE	57.7	704,895	2	TRUNG TÍNH	17,832	10.0	1.5
ROS	6.57	18,041,200	-2	TRUNG TÍNH	3,729	205.0	0.6
SBS	15.8	4,234,080	7	KHẢ QUAN	2,001	1,742.0	9.7
SBT	21.5	4,534,485	-6	TIÊU CỰC	13,269	19.0	1.7
SCR	11.15	11,972,995	-4	TIÊU CỰC	4,085	23.1	0.9
SHB	28.5	28,539,800	-1	TRUNG TÍNH	54,878	16.3	2.1
SHS	44	10,163,160	7	KHẢ QUAN	9,120	9.3	2.5
SSI	54.6	15,288,165	7	KHẢ QUAN	35,758	19.7	3.1
STB	31	29,701,524	3	TRUNG TÍNH	55,913	20.7	1.9
SZC	38.95	1,168,785	-2	TRUNG TÍNH	3,895	18.4	2.9
TCB	53.5	18,230,270	4	KHẢ QUAN	187,512	13.1	2.4
TCH	21.9	5,726,750	-7	TIÊU CỰC	8,742	8.6	1.5
TNG	23.3	3,200,845	-4	TIÊU CỰC	1,853	12.4	1.5
TPB	37.3	4,568,360	4	KHẢ QUAN	39,973	9.8	2.1
TSC	11.5	5,548,715	-7	TIÊU CỰC	1,698	117.3	1.1
TTF	7.9	5,866,115	6	KHẢ QUAN	2,458	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	114	2,206,335	7	KHẢ QUAN	422,812	20.0	4.2
VCI	53	3,203,170	0	TRUNG TÍNH	17,649	18.6	3.6
VCS	109.3	438,715	4	KHẢ QUAN	17,488	12.9	4.1
VG T	19.6	4,831,495	6	KHẢ QUAN	9,800	34.4	1.6
VHC	45.45	2,186,870	-4	TIÊU CỰC	8,269	11.8	1.6
VHM	118.6	4,429,885	7	KHẢ QUAN	390,136	15.1	4.3
VIB	50	1,202,670	-6	TIÊU CỰC	77,657	14.9	4.0
VIC	118	2,169,425	0	TRUNG TÍNH	399,127	54.3	5.0
VIX	28.85	4,870,495	2	TRUNG TÍNH	3,685	5.5	1.8
VJC	120	602,545	7	KHẢ QUAN	64,993	53.2	4.3
VND	45.2	7,516,230	2	TRUNG TÍNH	9,696	13.3	3.4
VNM	91	3,638,950	0	TRUNG TÍNH	190,186	19.4	6.1
VPB	66.9	32,458,750	-6	TIÊU CỰC	164,223	14.5	2.9
VRE	31.7	5,571,110	-4	TIÊU CỰC	72,032	27.0	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Phổ Wall trái chiều, Nasdaq, S&P 500 lại lập đỉnh nhờ cổ phiếu công nghệ

Dow Jones giảm 150,57 điểm, tương đương 0,44%, xuống 34.283,27 điểm. S&P 500 tăng 9,91 điểm, tương đương 0,23%, lên 4.290,61 điểm, vượt đỉnh lịch sử 4.280,69 điểm thiết lập hôm 25/6. Nasdaq tăng 140,12 điểm, tương đương 0,98%, lên 14.500,51 điểm, vượt đỉnh lịch sử 14.369,71 điểm thiết lập hôm 24/6. Đây là phiên lập đỉnh lịch sử thứ ba liên tiếp của S&P 500. Cổ phiếu các công ty công nghệ lớn như Facebook, Netflix và Nvidia nằm trong nhóm lực đẩy lớn nhất đến S&P 500 và Nasdaq. Trái lại, lĩnh vực mang tính chu kỳ giảm sâu trong bối cảnh lo ngại số ca Covid-19 tăng ở châu Á. Lĩnh vực tài chính và năng lượng giảm sâu nhất S&P 500, lần lượt mất 0,81% và 3,33%.

GDP quý II tăng 6,61%

Theo kết quả tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm được Tổng cục Thống kê công bố sáng nay (29/6), tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn nền kinh tế quý II ước đạt 6,61% và GDP 6 tháng đầu năm tăng 5,64%, dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại một số địa phương trên cả nước như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, TP HCM, Long An và Bình Dương. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng hơn 3,8% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp gần 8,2% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng gần 8,4%, đóng góp gần 60% vào mức tăng trưởng chung, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng hơn 11%. Khu vực dịch vụ tăng gần 4%, đóng góp gần 33% vào mức tăng chung, trong đó các ngành dịch vụ thị trường như bán buôn và bán lẻ tăng hơn 5,6%, hoạt động tài chính, ngân hàng bảo hiểm tăng hơn 9,3%. Bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cho biết kết quả tăng trưởng quý II cho thấy bức tranh kinh tế năm nay có nhiều điểm sáng hơn dù chịu ảnh hưởng dài hơn từ dịch Covid-19 so với cùng kỳ năm ngoái. Quý II/2020, tăng trưởng GDP chỉ đạt 0,36%, thấp nhất trong vòng 10 năm do ảnh hưởng của giai đoạn cách ly xã hội vào tháng 4. Nền thấp của cùng kỳ năm ngoái có thể là lý do khiến GDP quý II năm nay vẫn ghi nhận số liệu tích cực.

ANV: Dự kiến khởi công dự án Collagen và Gelatin 4 triệu USD trong tháng 8/2021

Navico là doanh nghiệp thứ hai đầu tư nhà máy Collagen và Gelatin (C&G) trong ngành chế biến cá tra fillet. Trước đó, Vĩnh Hoàn đã khá thành công với dự án này, đóng góp 20% lợi nhuận & 10% doanh thu cho VHC. Đối tác Amicogen được biết đến như nhà sản xuất C&G hàng đầu của Hàn Quốc, IPO trên sàn KOSDAQ ngày 12/09/2013 với hơn 21 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm làm đẹp, liên doanh Amicogen & Navico đặt tham vọng cung cấp các sản phẩm GTGT C&G đầu tiên cho thị trường Việt Nam vào năm 2022. Nhà máy được xây dựng giai đoạn 1 với diện tích hơn 9.600 m² tại Khu Công Nghiệp Thốt Nốt, Cần Thơ với công suất 800 tấn thành phẩm collagen và gelatin mỗi năm, theo tiêu chuẩn Hàn Quốc, với chi phí đầu tư dự kiến gần 4 triệu USD. Với năng lực sản xuất khoảng hơn 450 tấn nguyên liệu/ngày như hiện nay, mỗi ngày nhà máy chế biến của Navico có thể cung cấp một lượng da rất lớn cho sản xuất collagen & Gelatin. Da cá tươi có giá dao động quanh 0,5 USD/kg, nếu sản xuất ra collagen có thể đạt mức từ 25-40 USD/kg.

VJC: năm 2021 dự kiến doanh thu hợp nhất 21.900 tỷ đồng

Sáng nay, CTCP Hàng không Vietjet (HoSE:VJC) tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua hình thức trực tuyến. Tính đến 9h00, 162 cổ đông sở hữu đại diện 517,5 triệu cổ phần, tương đương 95,55% tổng cổ phần phát hành tham gia đại hội. Vietjet cũng lên kế hoạch huy động trái phiếu quốc tế dự kiến thực hiện trong năm 2021 hoặc 2022, uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời điểm cụ thể. Theo đó tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành 300 triệu USD có thời hạn 5 năm với lãi suất có thể cố định, thả nổi hoặc kết hợp cả hai. Trái phiếu có thể sử dụng để thực hiện quyền chọn nhận cổ phiếu. Mục đích phát hành nhằm huy động vốn cho các dự án đầu tư, mua tàu bay, động cơ, phụ tùng, và bổ sung vốn hoạt động. Năm 2021, lãnh đạo Vietjet nhìn nhận sẽ là năm tiếp tục khó khăn và thử thách không chỉ với hàng không Việt Nam mà đối với ngành hàng không thế giới. Tại Vietjet, ban lãnh đạo cho biết phải điều chỉnh kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận dựa trên tình hình thực tế, thấp hơn so với kết quả đạt được năm 2020. Cụ thể năm 2021, Vietjet dự kiến doanh thu hợp nhất 21.900 tỷ đồng, tăng 20% so với doanh thu vận tải hàng hoá nhưng chỉ tiêu lợi nhuận bỏ ngỏ. Kế hoạch này giảm so với mức 32.000 tỷ đồng doanh thu và 1.000 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế đưa ra trước khi Việt Nam đón làn sóng bùng dịch thứ 4 từ tháng 5.

POM: muốn chào bán 70 triệu cổ phiếu, kế hoạch doanh thu 12.000 tỷ đồng & LNST 600 tỷ đồng

Theo Nghị quyết họp ĐHCĐ thường niên 2021, cổ đông Thép Pomina (HoSE: POM) đã thông qua phương án phát hành tối đa 70 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ sẽ tăng từ 2.797 tỷ đồng lên 3.497 tỷ đồng. Giá chào bán do HĐQT xác định tùy điều kiện thực tế thời điểm phát hành, có thể là trong năm 2021 hoặc 2022. Ban lãnh đạo Pomina dự kiến tỷ lệ chào bán cổ phiếu thành công là 90%, phần còn lại cổ đông không mua sẽ phân phối cho đối tượng khác do HĐQT quyết định. Cổ phiếu POM hiện giao dịch vùng giá 16.850 đồng/cp, giảm 15,7% trong vòng 1 tháng qua nhưng tăng 40,4% tính từ

đầu tháng 2.Năm 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu thuần 12.000 tỷ đồng, tăng 22%; lãi sau thuế 600 tỷ đồng, gấp 38 lần so với thực hiện năm 2020. Pomina không chia cổ tức 2020 và lên kế hoạch 10% cho năm 2021.

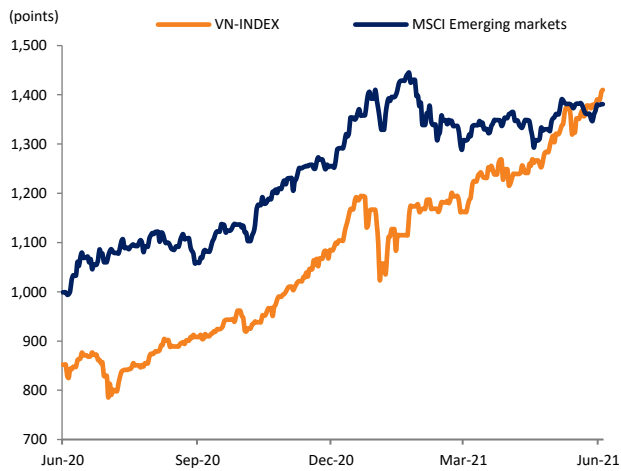
ASG: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%

Tập đoàn ASG (HNX:ASG) thông báo 8/7 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Với hơn 63 triệu cổ phiếu ASG đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ phát hành thêm hơn 12,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC kết thúc vào ngày 31/12/2020 (315,17 tỷ đồng).

CEO: đặt kế hoạch doanh thu 1.600 tỷ đồng, tăng 11%

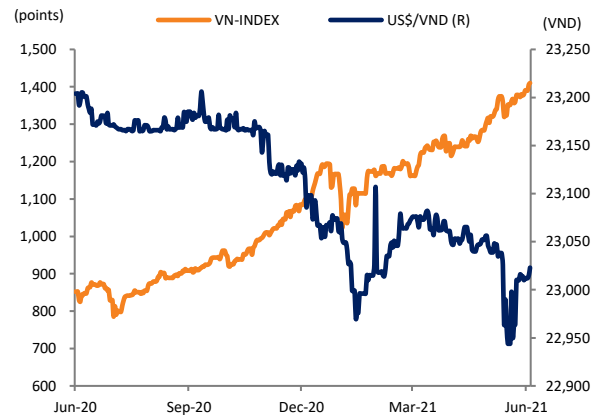
Sáng 29/6, Tập đoàn C.E.O (HNX: CEO) tổ chức ĐHĐCĐ, trình kế hoạch doanh thu 1.600 tỷ đồng, tăng 11% so với thực hiện năm 2020 và lợi nhuận sau thuế 80 tỷ đồng. Năm 2020, công ty lỗ 103 tỷ đồng.Theo kế hoạch, năm nay, công ty sẽ tập trung triển khai và kinh doanh các dự án trọng điểm gồm dự án Sonasea Vân Đồn Harbor City (Quảng Ninh), CEOhomes Hana Garden (Hà Nội), River Silk City (Hà Nam), tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý cho các dự án.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



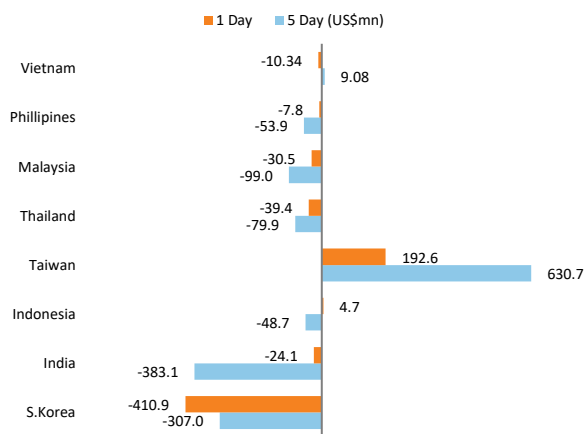
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



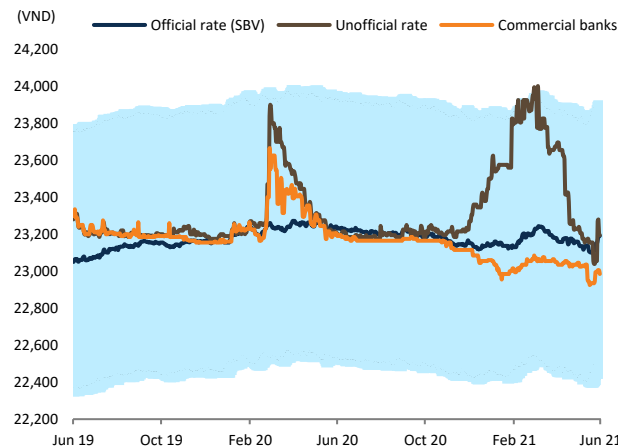
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



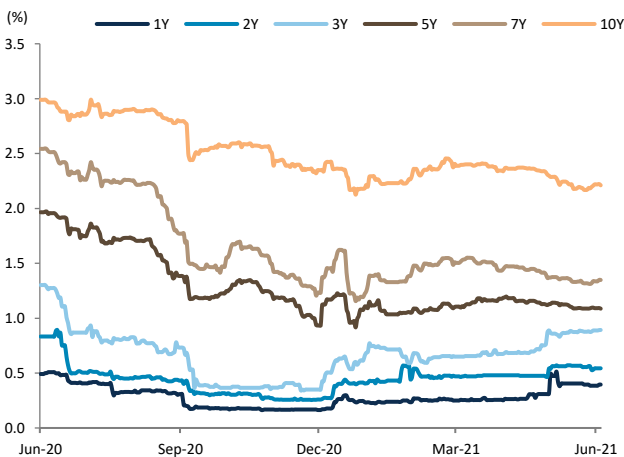
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



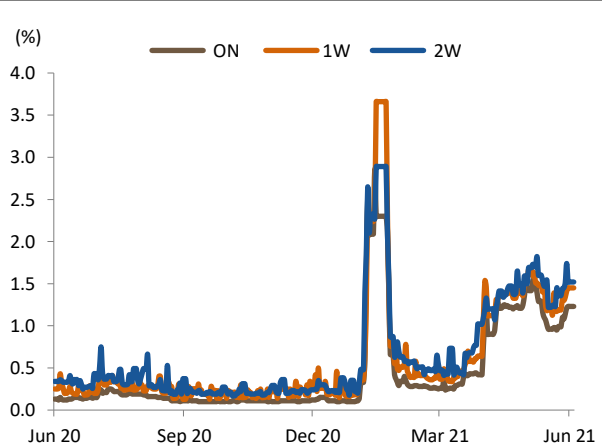
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,529.97	3,711,460		0.6	2.7	4.9	97.5	15.0	12.8	2.8	2.3	14.5	16.7	22.7	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	46,900	188,633	16.6	0.0	4.2	-0.5	21.8	20.0	14.6	2.1	1.8	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,100	43,871	27.1	-1.5	-1.3	6.5	29.2	25.6	22.7	2.1	2.0	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	53,900	200,692	25.1	-0.9	3.9	5.3	146.1	12.4	10.2	2.0	1.7	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	88,600	80,402	49.0	3.4	3.7	7.5	121.3	20.1	16.5	4.4	3.9	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	93,000	177,997	2.6	-2.1	-2.0	13.4	33.4	17.8	16.3	3.4	3.1	29.4	9.7	19.9	20.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	35,900	57,216	17.4	-0.3	4.5	9.3	139.8	10.4	8.7	2.0	1.6	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,800	231,697	26.4	-1.1	0.2	4.2	214.9	8.6	8.1	2.6	2.0	111.3	6.7	38.9	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,500	23,366	32.1	0.9	0.5	5.8	86.7	19.4	14.4	2.5	2.2	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	43,450	121,606	21.1	0.8	3.5	15.3	199.3	11.0	9.4	2.1	1.7	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	108,500	128,088	32.9	-0.4	0.0	-3.6	96.9	47.4	27.0	6.2	5.0	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	147,000	69,888	49.0	1.0	0.7	3.0	80.4	13.5	11.2	3.5	2.8	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	121,000	178,306	7.6	0.8	6.6	21.7	166.9	32.8	35.9	5.2	5.0	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	95,900	46,681	4.0	1.4	8.5	23.3	425.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,200	69,902	17.2	-1.6	-4.1	2.6	26.3	20.7	17.2	2.9	2.8	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	98,600	22,418	49.0	0.5	0.1	-2.4	71.5	16.9	13.3	3.6	3.0	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,050	28,220	3.0	-0.8	-4.0	3.0	23.0	13.5	11.5	0.9	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	57,700	17,832	49.0	0.7	0.2	-2.7	87.9	9.8	8.0	1.2	1.2	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,500	13,269	8.5	0.0	-3.2	9.1	54.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	54,600	35,758	46.9	1.3	10.3	30.6	268.9	22.4	17.5	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	31,000	55,913	12.2	2.6	2.6	-2.7	183.1	26.6	18.2	1.8	1.7	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,500	187,512	22.5	-0.2	5.1	0.9	172.3	11.6	9.8	2.1	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,900	8,742	13.6	-0.7	-3.5	-2.7	-4.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,300	39,973	30.0	-0.9	5.2	3.3	118.6	8.7	7.4	1.8	1.5	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	114,000	422,812	23.5	1.2	5.9	14.5	39.9	18.6	15.5	3.6	3.0	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	118,600	390,136	22.8	2.7	6.4	13.4	60.3	12.8	11.5	3.4	2.7	11.6	11.6	31.3	27.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	118,000	399,127	14.1	1.1	0.4	-1.5	32.6	85.2	53.8	4.3	3.9	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	120,000	64,993	18.2	3.9	4.3	7.1	12.4	160.0	24.5	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	91,000	190,186	54.8	2.0	0.4	-0.1	-2.4	18.5	17.4	5.7	5.4	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,900	164,223	15.4	-1.6	1.4	-2.5	218.6	11.8	11.2	2.2	1.8	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,700	72,032	30.6	-0.3	0.6	3.8	24.8	25.7	21.0	2.3	2.1	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	4.23	5,275,341	0.3	2.2	6.8	70.0	16.9	14.1	2.7	2.4	13.5	20.2	19.8	18.8
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,592	-0.3	-0.3	5.1	52.7	6.3	5.8	1.3	1.2	35.1	8.4	12.4	11.8
Ngân hàng	0.77	1,803,581	0.2	2.7	6.9	95.7	14.9	12.0	2.4	2.0	31.0	22.0	19.1	18.8
Xây dựng cơ bản	-0.28	181,229	-0.5	1.0	2.7	76.7	5.8	4.6	0.4	0.3	9.8	28.3	5.2	6.1
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,554	-0.9	-0.3	-1.0	18.0	7.5	5.8	NA	NA	18.8	27.9	10.3	12.4
May mặc và trang sức	0.00	45,413	0.0	0.6	4.3	154.9	13.2	10.7	2.6	2.2	42.0	21.9	17.8	17.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,392	-0.8	-1.0	6.6	11.5	NA	9.1	NA	NA	NA	NA	-7.2	5.0
Dịch vụ tài chính	0.20	95,173	0.9	7.1	30.2	234.1	13.7	7.3	0.6	NA	23.2	28.2	9.1	6.8
Năng lượng	-0.45	89,072	-1.8	0.0	4.3	43.3	22.0	16.3	2.4	2.4	NA	31.9	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.75	531,646	0.5	1.4	2.0	32.5	23.9	17.6	4.6	4.1	38.7	28.9	20.7	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	924	0.3	1.2	4.1	26.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,837	0.4	0.4	-1.7	6.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.18	51,888	-1.2	2.0	7.2	31.2	22.8	20.1	1.9	1.7	11.6	13.8	7.8	8.4
Nguyên vật liệu	-1.40	519,126	-1.0	2.5	11.0	187.1	14.8	14.1	2.2	1.0	85.4	-2.0	24.5	18.6
Giải trí và truyền thông	0.00	1,508	-0.3	-0.8	-3.3	-25.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.03	36,632	-0.1	4.0	-3.4	57.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	4.51	1,296,410	-0.3	-0.1	3.9	32.2	9.2	7.9	1.5	1.0	10.6	14.3	9.1	9.6
Bán lẻ	0.18	78,270	1.3	2.9	7.9	77.8	36.8	26.2	3.2	2.8	18.7	18.7	15.4	14.4
Phần mềm và dịch vụ	0.71	84,867	0.9	1.9	2.4	76.3	12.6	10.4	3.1	2.6	38.1	18.5	24.1	24.5
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,454	3.2	4.4	7.1	116.9	18.9	15.5	4.2	3.7	29.9	19.3	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.03	1,487	-0.2	1.2	-2.8	244.7	13.1	11.2	3.4	2.7	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.63	165,956	6.9	4.7	21.1	273.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.13	263,651	1.5	2.1	6.4	34.1	65.9	12.2	26.7	1.4	NA	NA	-70.1	-34.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	118,600	2.7	5,907,600	2.8
VCB VN	114,000	1.2	1,853,100	1.4
VIC VN	118,000	1.1	2,339,900	1.2
VNM VN	91,000	2.0	4,368,100	1.0
FPT VN	88,600	3.4	4,897,800	0.7
VJC VN	120,000	3.9	666,900	0.7
NVL VN	121,000	0.8	3,288,400	0.4
STB VN	31,000	2.6	36,074,600	0.4
MBB VN	43,450	0.8	18,304,800	0.3
EIB VN	30,500	2.3	666,800	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	93,000	-2.1	790,600	-1.0
VPB VN	66,900	-1.6	15,695,100	-0.7
HPG VN	51,800	-1.1	19,830,300	-0.7
GVR VN	35,700	-1.7	4,640,000	-0.7
CTG VN	53,900	-0.9	18,646,000	-0.5
PLX VN	56,200	-1.6	2,488,400	-0.3
SAB VN	169,600	-0.9	90,800	-0.3
ACB VN	36,450	-0.7	6,677,700	-0.2
BVH VN	59,100	-1.5	930,900	-0.2
MSN VN	108,500	-0.4	990,100	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.